Ghép mỗi lệnh trong cột A với ý nghĩa của lệnh đó trong cột B.

A	B
1. di chuyển 10 bước	a. Nhân vật lướt trong 1 giây tới một vị trí ngẫu nhiên trên sân khấu.
2. lướt trong 1 giây tới vị trí ngẫu nhiên	b. Nhân vật đi tới một vị trí ngẫu nhiên trên sân khấu.
3. đi tới vị trí ngẫu nhiên	c. Nhân vật di chuyển 10 bước về phía trước.

Ghép mỗi lệnh trong cột A với ý nghĩa của lệnh đó trong cột B.

A	B
1. xoay ↻ 15 độ	a. Nhân vật hướng về bên phải sân khấu.
2. xoay ↺ 15 độ	b. Nhân vật quay phải 15 độ.
3. đặt hướng bằng 90	c. Nhân vật quay trái 15 độ.

Ghép mỗi lệnh trong cột A với ý nghĩa của lệnh đó trong cột B.

A	B
1. nói Xin chào!	a. Nhân vật hiển thị lời nói "Xin chào!", trong 2 giây.
2. nói Xin chào! trong 2 giây	b. Nhân vật hiển thị suy nghĩ "Hmm..." trong 2 giây.
3. nghĩ Hmm... trong 2 giây	c. Nhân vật hiển thị lời nói "Xin chào!".

LIVEWORKSHEETS

Ghép mỗi lệnh trong cột A với ý nghĩa của lệnh đó trong cột B.

A	B
1. trang phục kế tiếp	a. Nhân vật chuyển sang trang phục thứ 2.
2. chuyển sang trang phục costume2	b. Nhân vật chuyển sang trang phục kế tiếp.
3. đổi kích thước một lượng 10	c. Nhân vật trở về kích thước chuẩn.
4. đặt kích thước thành 100 %	d. Nhân vật thay đổi kích thước một lượng 10.

Ghép mỗi lệnh trong cột A với ý nghĩa của lệnh đó trong cột B.

A	B
1. phát âm thanh Meow đến hết	a. Nhân vật ngừng phát âm thanh.
2. bắt đầu âm thanh Meow	b. Nhân vật bắt đầu phát âm thanh.
3. ngừng mọi âm thanh	c. Nhân vật phát âm thanh đến hết.

LIVEWORKSHEETS